

# Các loại chuyển giao trong giao tiếp giao văn hóa

Nguyễn Quang\*

*Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN, Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 2 tháng 6 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 9 năm 2014

**Tóm tắt:** Trong bài viết này, các loại chuyển giao ngôn từ-ngôn từ (ngôn ngữ, giao tiếp, giao văn hóa) và ngôn từ-phi ngôn từ được đưa ra bàn luận. Chuyển giao giao văn hóa, vốn được xem như tiêu điểm học thuật, được tác giả phân tích chi tiết dựa trên các điểm qui chiếu của thói quen văn hóa, ẩn tàng văn hóa và tính ưu chuộng hơn trong các cộng đồng ngôn ngữ-văn hóa.

**Từ khóa:** Chuyển giao, chuyển giao ngôn từ-ngôn từ, chuyển giao ngôn từ-phi ngôn từ, song ngữ, song văn hóa.

## 1. Các loại chuyển giao ngôn từ-ngôn từ trong giao tiếp giao văn hóa

Theo quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu dịch thuật, có nhiều kiểu dịch khác nhau và chúng được tập hợp thành hai loại (cũng có thể được coi là hai kiểu *chuyển giao*) chính yếu; đó là 'Dịch ngữ nghĩa' (*Semantic translation*) và 'Dịch giao tiếp' (*Communicative translation*), hay 'Dịch tín' và 'Dịch nhả'. Tuy nhiên, chúng tôi [1] thiên nghĩ, nếu xét các chuyển giao ngôn từ-ngôn từ trong giao tiếp giao văn hoá theo cách phân loại dịch thuật này thì e rằng ta sẽ khó nêu bật được tính phổ niệm và tính đặc thù văn hóa của các ngôn ngữ được xét cũng như các điểm qui chiếu từ nội ngôn đến giao tiếp, từ giao tiếp nội văn hóa đến giao tiếp giao văn hóa. Do vậy, chúng tôi e rằng việc nêu bật những khác biệt giao văn hoá vốn rất dễ gây sốc văn hoá và ngừng trệ giao tiếp sẽ khó được thực

hiện thấu đáo. Với lí do đó, chúng tôi [2] xin được đưa ra cách phân loại chuyển giao như sau:

### 1.1. *Chuyển giao ngôn ngữ* (*Linguistic transfer*)

#### 1.1.1. *Chuyển giao ngôn ngữ tuyệt đối* (*Absolute linguistic transfer*)

Đây là kiểu chuyển giao theo đó các yếu tố ngôn ngữ A được chuyển dịch theo đúng tương đương một-đôi-một sang các yếu tố ngôn ngữ B. Lực ngôn tác được người bản ngữ của ngôn ngữ A cảm nhận ở phát ngôn nguồn thế nào thì cũng được người bản ngữ của ngôn ngữ B cảm nhận ở phát ngôn đích như thế.

Ví dụ: - Anh: *I saw him rushing down the street.* [Tôi thấy anh ta lao xuống phố]

→ Việt: Tôi thấy hắn lao xuống phố.

Hoặc - Anh: *We'll talk about it later.* [Chúng ta sẽ nói về nó sau]

→ Việt: Chúng ta sẽ nói về chuyện đó sau.

\*ĐT.: 84-913388474

Email: ngukwang@yahoo.com

### 1.1.2. Chuyển giao ngôn ngữ tương đối (Relative linguistic transfer)

Với kiểu chuyển giao này, các thao tác 'ché bién' ngôn ngữ đã xuất hiện. Người ta hoặc phải tái cấu trúc phát ngôn, hoặc phải đảo trật tự các thành phần phát ngôn, hoặc phải thêm bớt các thành phần phát ngôn, hoặc phải chấp nhận thay thế tương đối... Tuy nhiên, lực ngôn tác vẫn phải được đảm bảo trong quá trình chuyển giao.

Ví dụ:

+ Tái cấu trúc phát ngôn:

- Anh: *It might be a good idea to go out tonight.* [Nó có thể là một ý kiến hay để đi chơi tối nay]

-> Việt: Kể ra tối nay đi chơi cũng hay đấy chứ nhỉ.

+ Đảo trật tự các thành phần phát ngôn:

- Anh: *He was reading when I came yesterday.* [Nó đang đọc sách khi tôi đến ngày hôm qua]

-> Việt: Hôm qua khi tôi đến thì nó đang đọc sách.

+ Thêm bớt các thành phần phát ngôn:

- Anh: *If you ask me, he's good-for-nothing.* [Nếu anh hỏi tôi, anh ta vô tích sự]

-> Việt: Nếu anh hỏi thì tôi cũng xin được nói rằng anh ta là người vô tích sự.

+ Chấp nhận thay thế tương đối:

- Anh: *I've been living in London since birth.* [Tôi đã và đang sống ở Luân-đôn kể từ sự sinh thành]

-> Việt: Tôi sống ở Luân-đôn từ lúc sinh ra đến nay.

### 1.2. Chuyển giao giao tiếp (Communicative transfer)

Đây là kiểu chuyển giao theo đó chỉ ý nghĩa của thông điệp là được giữ lại, còn các yếu tố ngôn ngữ được thay thế hầu như hoàn toàn; và chỉ có như vậy, người chuyển giao mới có thể

làm cho phát ngôn đích trở nên dễ hiểu, nghe 'bớt Tây hơn' (*sounding less foreign*), và tạo ra lực ngôn tác tương ứng đối với người bản ngữ của ngôn ngữ B.

Ví dụ:

- Anh: *I've got a problem.* [Tôi có một vấn đề]

-> Việt: Tôi gặp chuyện rắc rối.

Hoặc: - Anh: *Search me.* [Khám tôi đi.]

-> Việt: Hỏi tôi thì hỏi cái đầu gối còn hơn.

Hoặc: - Việt: Vâng, anh cho em xin.

-> Anh: *Oh, thank you.* [Ồ, cảm ơn anh]

Hoặc: - Việt: Con ấy là loại quá đại gia.

-> Anh: *She never learns to say no to any man.* [Cô ta không bao giờ học nói không đối với bất cứ người đàn ông nào]

### 1.3. Chuyển giao giao văn hoá (Cross-cultural transfer)

Kiểu chuyển giao này thường được thực hiện với những phát ngôn nguồn mang tính đặc thù văn hoá (*culture-specific*). Những phát ngôn này hoặc phản ánh các thói quen văn hoá, hoặc chịu tác động của các ẩn tàng văn hoá, hoặc biểu hiện tính ưa chuộng hơn trong các bình diện phạm trù.

Ví dụ:

+ Thói quen văn hoá (Cultural practices):  
Lúc 9:30 tối, người vợ đang mài ngắm chiếc váy dạ hội mới mua. Người chồng nói:

- *Honey, it's time for tea.* [Em ơi, đến giờ uống trà rồi]

Người Anh thường có thói quen dùng trà sau bữa tối. Khi nói vậy, người chồng hàm ý 'Nhẽ ra lúc này đã ăn tối xong và đang dùng trà'. Do vậy, phát ngôn này cần được chuyển giao sang tiếng Việt thành:

- *Em ơi, con nước thế nào nhi? Muộn rồi đấy.*

+ Ẩn tàng văn hoá (Cultural hiddens): Một người Việt đến thăm một đồng nghiệp Mĩ vừa sinh con. Chị ta khen cháu bé:

- *Trộm vía, trông cháu tôi kháu quá.*

Trong văn hoá Việt, người ta tin rằng khen một cháu bé mới sinh là điều cần tránh vì sẽ làm cháu bé khó được khoẻ mạnh (có thể làm ma quỷ chú ý mà đến quấy ám). Do vậy, người Việt sẽ phải khen bằng cách hoặc dùng một nhuệng ngữ tiên mã hoá, nghi lễ hoá (*pre-coded ritualised gambit*) như trên (*trộm vía*), hoặc dùng một tính từ trái nghĩa (tiêu cực) để thay thế, nhưng lại đền bù cho cách khen tiêu cực đó bằng các yếu tố nội ngôn, cận ngôn và ngôn ngữ thân thể tích cực đi kèm. Ví dụ:

- *Trông cháu tôi dễ ghét chưa kìa.*

Các yếu tố đền bù (*Redresses*) được sử dụng là:

. Nội ngôn (*Intralanguage*): *Cháu tôi*

. Cận ngôn (*Paralanguage*): Không dồn trọng âm vào từ '*Ghét*' mà vào từ '*Chưa*' và kéo dài từ này.

. Ngôn ngữ thân thể (*Body language*): Sử dụng các diện hiện tích cực như: Nheo mắt lại đây triu mến...

Tuy nhiên, khi chuyển sang tiếng Anh, vì người Anh không có đức tin đó nên ta hoàn toàn có thể chuyển sang hình thức khen trực tiếp như sau:

- *Oh, she looks cute.* [Ồ, cháu bé trông đáng yêu]

+ Tính ưa chuộng hơn (Preferences) trong các bình diện phạm trù: Người Việt, nhìn chung, có xu hướng thiên hơn về lịch sự dương tính (tỏ ra quan tâm đến người khác). Trong khi đó, người Mĩ, có lẽ, trong nhiều trường hợp cụ thể, lại coi trọng lịch sự âm tính (tránh xía vào chuyện riêng tư của người khác) hơn. Ngoài ra,

trong khi người Việt chú ý hơn đến tính tôn ti và ngữ nghĩa quyền lực (*power semantic*) trong quan hệ thầy trò thì người Mĩ lại để tâm nhiều hơn đến tính bình đẳng và ngữ nghĩa thân hữu (*solidarity semantic*) trong loại quan hệ này. Hơn nữa, người Việt, với tư cách là học sinh/sinh viên trong các mối quan hệ bất bình đẳng với người thầy, thường thiên về cách diễn đạt vòng (gián tiếp) nhiều hơn, trong khi ở các mối quan hệ tương tự, người Mĩ lại thường có thói quen diễn đạt thẳng (trực tiếp) nhiều hơn [3], [4]. Vì các lí do trên, người Việt (cụ thể là các nghiệm thể Việt trong một khảo sát của chúng tôi) coi sự kiện giao tiếp sau đây là hoàn toàn phù hợp:

**Sinh viên:** *Thưa thầy, hôm nay nhân ngày Nhà giáo Việt Nam, chúng em có tổ chức một bữa tiệc nhỏ. Chúng em xin mời thầy đến chung vui với chúng em ạ.*

**Thầy giáo:** (*Chặc lưỡi*). *Các bạn cứ bày vẽ làm gì cho khổ. (Ngừng một giây). Thôi được rồi, tôi sẽ đến.*

Trong khi đó, nhiều người Mĩ, Bì và Thụy Điển (cụ thể là nhiều nghiệm thể tham gia vào thực nghiệm này) lại không chấp nhận cách diễn đạt đó (cả phát ngôn kích thích của sinh viên và phát ngôn phản hồi của thầy giáo). Họ cho rằng, sẽ là 'đúng cách' hơn (theo phong cách giao tiếp của họ) nếu cuộc thoại được thực hiện theo kiểu sau:

**Student:** *Could you please come to our dinner for the celebration of the Teachers' Day?*

[*'Đối tác giao tiếp' có thể đến bữa tiệc của 'các bản thân' cho sự kỉ niệm ngày Nhà giáo được không ạ?*]

**Teacher:** *Oh, it's very kind of you. I'll sure(ly) come.*

[Ồ, 'các đối tác giao tiếp' thật tốt quá. 'Bản thân' chắc chắn sẽ đến]

Chúng tôi cũng đã tiến hành một thử nghiệm nhỏ để xem xét tác động của ấn tượng 'Quan niệm' trong chuyển giao ngôn ngữ và chuyển giao giao tiếp. Năm nghiệm thể Mỹ và mười nghiệm thể Việt tham gia vào thực nghiệm này. Các nghiệm thể Mỹ được tập hợp thành một nhóm (M) và các nghiệm thể Việt được chia ngẫu nhiên thành hai nhóm: Nhóm 1 gồm năm nghiệm thể (V1) và nhóm 2 cũng gồm năm nghiệm thể (V2). Yêu cầu mà chúng tôi nêu ra là:

*How would you feel and verbally react when a nodding acquaintance of yours, on hearing that you have just been chosen for a study course in a world-famous university overseas in the last minute, says, 'Oh, you're a lucky dog'?*

Yêu cầu này được dịch ra tiếng Việt theo hai cách:

+ Cách 1 (Chuyển giao ngôn ngữ):

*Bạn cảm thấy thế nào và sẽ nói ra sao khi một người mà bạn chỉ quen sơ sơ, sau khi nghe tin bạn vừa được chọn đi học tại một trường đại học nổi tiếng thế giới ở nước ngoài vào phút chót, nói với bạn: 'Ồ, anh/chị là một con chó may mắn'?*

+ Cách 2 (Chuyển giao giao tiếp):

*Bạn cảm thấy thế nào và sẽ nói ra sao khi một người mà bạn chỉ quen sơ sơ, sau khi nghe tin bạn vừa được chọn đi học tại một trường đại học nổi tiếng thế giới ở nước ngoài vào phút chót, nói với bạn: 'Ồ, anh/chị đúng là chó ngáp phải ruồi'?*

Bản tiếng Anh được đưa cho nhóm nghiệm thể Mỹ; bản dịch chuyển giao ngôn ngữ - cho nhóm V1 và bản dịch chuyển giao giao tiếp - cho nhóm V2. Kết quả thu thập số liệu như sau:

\* **Nhóm M:**

+ Cảm nhận: Một nghiệm thể Mỹ nói rằng anh ta cảm thấy bình thường (trung tính). Bốn nghiệm thể còn lại cảm thấy dễ chịu (tích cực).

+ Phản ứng ngôn từ: Nghiệm thể Mỹ cho rằng mình cảm thấy bình thường đưa ra phản hồi phân vân:

- *Do you think so?* (Anh/Chị nghĩ vậy sao?)

Các nghiệm thể còn lại đều có phản hồi tích cực:

- *Thanks.* (Cảm ơn)

- *Thank you.* (Cảm ơn anh/chị)

\* **Nhóm V1:**

+ Cảm nhận: Cả năm nghiệm thể thuộc nhóm này đều cho rằng họ cảm thấy khó chịu (1) và rất khó chịu (4) (tiêu cực).

+ Phản ứng ngôn từ: Một nghiệm thể nữ nói chị ta sẽ im lặng và bỏ đi (tiêu cực phi ngôn từ - *nonverbal negative*). Các nghiệm thể còn lại đều có các phản ứng tiêu cực ngôn từ (*verbal negative*) như:

- *Anh nói cái kiểu gì đấy?*

- *Anh bảo ai là chó đấy hả?*

- *Có thể tôi may, nhưng tôi không phải là chó.*

- *Ấn nói vớ vẩn.*

\* **Nhóm V2:**

+ Cảm nhận: Tất cả các nghiệm thể đều cho rằng họ cảm thấy khó chịu (4) và rất khó chịu (1) (tiêu cực).

+ Phản ứng ngôn từ: Có một phản ứng ít nhiều trung tính:

- *Cũng có thể.*

Các phản ứng còn lại đều tiêu cực:

- *Thế mà khối người ngáp ngoác cái miệng ra mà cũng chẳng được con muỗi nào đấy.*

- *Ông ăn nói cẩn thận đấy.*

- *Anh ăn nói hay nhỉ?*

- *Không có khả năng thì có ngáp gì.*

Các kết quả trên giúp ta có được các quan sát sau:

+ Trong khi các nghiệm thể Mỹ đều có cảm nhận tích cực và, chỉ ít, trung tính về phát ngôn

kích thích thì các nghiệm thể Việt lại đều có cảm nhận tiêu cực và rất tiêu cực về nó.

+ Sắc thái cảm nhận đã tạo ra các phản ứng ngôn từ và/hoặc phi ngôn từ tương thuận. Trong khi các nghiệm thể Mỹ viện đến các phản ứng ngôn từ tích cực và trung tính thì các nghiệm thể Việt tuyệt đại đa số đều đưa ra các phản ứng ngôn từ hoặc phi ngôn từ tiêu cực.

+ Giữa hai nhóm nghiệm thể Việt, nhóm V1 nhìn chung có phản ứng tiêu cực mạnh mẽ hơn so với nhóm V2. Hai trong số năm nghiệm thể thuộc nhóm V1 nhắc đến từ 'Chó' trong phản ứng của mình (phản ứng tiêu cực trực tiếp). Trong khi đó, các nghiệm thể thuộc nhóm V2 không hề đề cập đến từ này (phản ứng tiêu cực gián tiếp).

Những quan sát vừa trình bày giúp ta đi đến những nhận xét sơ bộ (hoàn toàn không phải là những kết luận) sau:

+ Hình như, hình ảnh 'Con chó' được nhìn nhận khác nhau trong hai cộng đồng ngôn ngữ-văn hoá Việt và Mỹ. Hình ảnh này có lẽ được tiếp nhận khá tích cực trong văn hoá Mỹ dòng chính, vốn có gốc gác từ văn hoá Anh, trong đó, theo cách nhìn nhận truyền thống, 'Con chó' được giữ một vị trí khá tích cực trong xã hội, đặc biệt là xã hội thượng lưu:

- Thứ nhất – Quý bà (*Lady*)
- Thứ nhì – Bông hoa (*Flower*)
- Thứ ba – Con chó (*Dog*)
- Thứ tư – Đàn ông (*Man*).

Trong khi đó, ở văn hoá Việt, con chó có lẽ không có được vị trí ưu ái như vậy. Hình ảnh 'Con chó' trong văn hoá Việt hình như thường gắn liền với những chức năng, công việc và vị trí không mấy khả trọng như:

- Làm vệ sinh cho trẻ nhỏ,
- Trông nhà, phòng trộm,

- Làm món khoai khẩu cho giới mày râu những ngày cuối tháng âm lịch

- ...

Hình ảnh 'Con chó' cũng không mấy đẹp đẽ khi được nhắc tới:

- *Ngu như chó*
- *Chó chê mèo lắm lông*
- *Đồ chó*
- *Đồ chó ghẻ*
- *Chó chết*
- *Chó má*
- ...

Với hình ảnh 'Con chó' được tiếp nhận khác nhau trong hai cộng đồng ngôn ngữ-văn hoá khác nhau, việc đưa ra các phản ứng tích cực và trung tính của các nghiệm thể Mỹ và tiêu cực của các nghiệm thể Việt là có thể phần nào hiểu được.

+ Giữa hai nhóm nghiệm thể Việt, việc gắn hình ảnh 'Con chó' (tiêu cực) với hình ảnh 'Con ruồi' (cũng tiêu cực) nhưng lại tạo ra phản ứng ít tiêu cực hơn (ở nhóm V2) so với việc gắn hình ảnh 'Con chó' (tiêu cực) với sự 'may mắn' (ít nhiều tích cực) có lẽ nên được hiểu như sau:

- 'Chó ngáp phải ruồi' được người Việt tiếp nhận với tư cách là một thành ngữ, mà như ta đã biết, nghĩa của thành ngữ, trong tuyệt đại đa số các trường hợp, đều không phải là tổng của các nét nghĩa của từng thành tố đơn lẻ như nghĩa của ngữ định danh. Do đó, nghĩa trực trần của 'Con chó' và 'Con ruồi' bị nhòa đi và tính đe dọa thể diện của phát ngôn này cũng được giảm nhẹ. Vì vậy, sự cảm nhận và phản ứng ngôn từ của nhóm V2 tỏ ra ít tiêu cực hơn so với nhóm V1.

- 'Con chó may mắn' không được người Việt tiếp nhận như một cách nói mang tính thành ngữ. Do vậy, nghĩa trực trần của 'Con

chó' với những chức năng không mấy khả trọng của nó trở nên nổi bật; và điều này đã tạo ra sự cảm nhận và phản ứng ngôn từ tiêu cực hơn.

Tóm lại, các loại chuyển giao ngôn từ-ngôn từ vừa trình bày ở trên có thể được tổng kết như sau

LOẠI CHUYỂN GIAO	CÁCH CHUYỂN GIAO	ƯU TIÊN	NGÔN TÁC
NGÔN NGỮ  GIAO TIẾP  GIAO VĂN HÓA	<b>TUYỆT ĐỐI</b> Các yếu tố ngôn ngữ A được chuyển giao một-đổi-một sang các yếu tố ngôn ngữ B + Tái cấu trúc phát ngôn + Đảo trật tự thành phần phát ngôn	Các yếu tố từ vựng	Cảm nhận của người bản ngữ của ngôn ngữ A và ngôn ngữ B là tương đương
	<b>TƯƠNG ĐỐI</b> + Thêm hoặc bớt thành phần phát ngôn + Thay thế tương đối	Các yếu tố phát ngôn và dụng học	Cảm nhận của người bản ngữ của ngôn ngữ A và ngôn ngữ B là tương đương
	<b>GIAO TIẾP</b> + Thay thế các yếu tố ngôn ngữ + Lưu giữ ý nghĩa thông điệp	Các yếu tố diễn ngôn và dụng học	Cảm nhận của người bản ngữ của ngôn ngữ A và ngôn ngữ B là ít nhiều tương đương
	<b>GIAO VĂN HÓA</b> + Chuyển giao và phản ánh thói quen văn hóa + Chuyển giao và phản ánh ẩn tàng văn hóa + Chuyển giao và phản ánh tính ưu chuộng hơn của các bình diện phạm trù	Các yếu tố văn hóa và dụng học	Cảm nhận của người bản ngữ của ngôn ngữ A và ngôn ngữ B là ít nhiều tương đương

## 2. Chuyển giao ngôn từ-phi ngôn từ trong giao tiếp giao văn hóa

Trong bất cứ một cộng đồng ngôn ngữ-văn hoá nào, người ta cũng đều sử dụng các yếu tố ngôn từ và phi ngôn từ để giao tiếp dù liều lượng và cách thức biểu hiện của các yếu tố đó, nhìn chung, đều khác nhau.

Tuy nhiên, điều được nhiều nhà nghiên cứu (đặc biệt là các nhà nhân học, dân tộc học và giao tiếp giao văn hoá) [5] lưu ý là, trong các tình huống cụ thể, ở cộng đồng ngôn ngữ -văn hoá này, các thành viên thường sử dụng các yếu tố ngôn từ để truyền đạt thông điệp; trong khi đó, ở một cộng đồng ngôn ngữ -văn hoá khác, các thành viên lại chỉ viện đến các yếu tố phi ngôn từ. Ví dụ: Khi gặp nhau ở những dịp trang

trọng, người Nhật chỉ cần cúi gập lưng, hai lòng bàn tay kẹp nơi nếp quần là đã truyền tải đầy đủ thông điệp của một lời chào trân trọng (*Ojigi*). Nhưng người Anh, ngoài việc bắt tay, lại còn cần phải đưa ra các thông lệ ngôn từ như: *How do you do?* (Rất hân hạnh) hay *Nice to meet you* (Thật vui được gặp anh/chi).

Nguyễn Quang [5] nhận định rằng, khi giảng dạy ngoại ngữ theo đường hướng giao tiếp và trong giao tiếp quốc tế, có lẽ chúng ta quá chú tâm vào phát triển các kỹ năng giao tiếp ngôn từ mà quên đi rằng, giao tiếp phi ngôn từ, với rất nhiều 'qui tắc bất thành văn' (*unwritten rules*) và 'hành vi nghi lễ hoá tiền mã hoá' (*pre-coded ritualized behaviours*) của nó, trong rất nhiều trường hợp, lại tỏ ra quan trọng không kém, nếu không muốn nói là hơn.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát và phỏng vấn nhiều người thể Việt và Mĩ-Anh-Úc. Tình huống được chúng tôi đưa ra là :

*Một chàng trai và một cô gái (các đối tác giao tiếp), thông qua một người bạn của cả hai, vừa được giới thiệu với nhau (khoảng cách quan hệ) ở vũ trường (môi trường giao tiếp). Họ cùng nhảy một điệu mà cô gái chưa được thuần thục lắm. Cô gái vô tình giẫm lên chân người bạn nhảy (tình huống phát sinh hành động giao tiếp).*

Chúng tôi đặt ra câu hỏi sau :

*Nếu ở vào hoàn cảnh của cô gái, anh/chị sẽ phải ứng như thế nào ?*

1. Phản ứng ngôn từ (verbal encounter):

và/hoặc

2. Phản ứng phi ngôn từ (nonverbal encounter):

Trong tổng số 150 lượt trả lời của các người thể Việt và cũng với số lượng ấy của các người thể Mĩ-Anh-Úc, chúng tôi đã thu thập được các kết quả sau:

1. Phản ứng ngôn từ:

a. Phản ứng ngôn từ trực tiếp: Việt: 18,15% và Mĩ-Anh-Úc: 76,25%.

Ví dụ:

\* Việt:

- *Xin lỗi anh (nhé).*

- *Ấy chết, xin lỗi anh.*

- ...

\* Mĩ-Anh-Úc:

- *Oh, sorry.* [Ồ, xin lỗi.]

- *Excuse my foot.* [Hãy tha thứ cho cái chân của tôi.]

- *I'm terribly sorry.* [Tôi xin lỗi một cách khủng khiếp.]

- ...

b. Phản ứng ngôn từ gián tiếp: Việt: 42,27% và Mĩ-Anh-Úc: 18,16%. Ví dụ:

\* Việt:

- *Ồi.*

- *Ồi chết.*

- *Thôi, em không nhảy được đâu.*

- *Anh có đau không ạ?*

- ...

\* Mĩ-Anh-Úc:

- *Oh.* [Ồ]

- *Oh, no.* [Ồ, không]

- *I'm such a bad dancer.* [Tôi là một người nhảy tồi quá.]

- ...

2. Phản ứng phi ngôn từ: Việt: 39,58% và Mĩ-Anh-Úc: 5,59%. Ví dụ:

\* Việt:

- *Cúi đầu và mỉm cười.*

- *Lờ đi.*

- *Nhấn mặt và sử dụng yếu tố xen ngôn 'hừ'.*

- ...

\* Mĩ-Anh-Úc:

- *Nhìn vào mắt bạn nhảy và mỉm cười.*

- *Nháy mắt với bạn nhảy.*

- *Nhún vai.*

- ...

Nhìn vào tỉ lệ của các phản ứng vừa nêu trên, ta có thể dễ dàng đi đến một số nhận định ban đầu về những khác biệt trong tình huống giao tiếp đặc thù này (và cũng có thể trong nhiều tình huống hay sự kiện giao tiếp khác). Các nhận xét đó là :

- Các người thể Mĩ-Anh-Úc, trong tuyệt đại đa số các trường hợp (94,41%), đều viện tới các phản ứng ngôn từ (hoặc trực tiếp hoặc gián

tiếp). Trong khi đó, với các nghiệm thể Việt, tỉ lệ sử dụng các phản ứng ngôn từ không tuyệt đối lẫn át tỉ lệ sử dụng các phản ứng phi ngôn từ (60,42% so với 39,58%).

- Xét riêng phản ứng ngôn từ thì các phản ứng ngôn từ trực tiếp được các nghiệm thể Mĩ-Anh-Úc sử dụng với tỉ lệ cao hơn tuyệt đối so với tỉ lệ tương ứng của các nghiệm thể Việt (76,25% so với 18,15%). Trong khi đó, các nghiệm thể Việt lại viện tới các phản ứng ngôn từ gián tiếp với tỉ lệ cao hơn rất nhiều so với các nghiệm thể Mĩ-Anh-Úc (42,27% so với 18,16%).

- Tỉ lệ sử dụng các phản ứng phi ngôn từ của các nghiệm thể Việt rất cao nếu so với tỉ lệ tương ứng của các nghiệm thể Mĩ-Anh-Úc (Việt: 39,58% so với Mĩ-Anh-Úc: 5,59%).

- Ngay trong các phản ứng phi ngôn từ, cách thức biểu hiện cũng có khác. Đây chính là điều mà ta ít chú ý khi nghiên cứu giao tiếp giao văn hoá và cũng chính là cái dễ tạo ra các diễn giải sai (*misinterpretations*) những hiểu lầm (*misunderstandings*) dẫn đến giao tiếp sai lệch (*miscommunication*) và ngừng trệ giao tiếp (*communication breakdown*). Điều này có thể được khẳng định khi chúng tôi đề nghị các nghiệm thể Mĩ-Anh-Úc cho biết thái độ của họ khi một bạn nháy Việt có các phản ứng phi ngôn từ: *Cúi đầu và mỉm cười, Lờ đi và Nhấn mặt và sử dụng yếu tố xen ngôn 'hừ'*. Phần lớn các nghiệm thể Mĩ-Anh-Úc cho rằng phản ứng như vậy là không được lịch sự (đặc biệt là *Lờ đi* và *Nhấn mặt và sử dụng yếu tố cận ngôn 'hừ'*). Trong khi đó, nhiều nghiệm thể Việt, khi được hỏi về cảm nhận của họ trước các phản ứng phi ngôn từ của các bạn nháy Mĩ-Anh-Úc, lại cho rằng 'đã dẫm lên chân bạn nháy mà còn 'nhìn người ta và nhe răng ra cười' hoặc 'nhún vai, nháy mắt với người ta cứ làm như người ta mắc lỗi không bằng' thì thật không hay.

Vậy, vấn đề đặt ra ở đây là phản ứng nào tỏ ra lịch sự hơn? Theo Nguyễn Quang [4], một số tác giả, hoặc công khai hoặc hàm ẩn, cho rằng phản ứng ngôn từ trực tiếp lịch sự hơn. Thậm chí, có tác giả còn tỏ ra khắt khe khi phê phán các phản ứng phi ngôn từ trong những trường hợp tương tự là "bất lịch sự" hay "bất nhã". Tuy nhiên, câu trả lời của chúng tôi [1] cho câu hỏi trên là: Khó có thể khẳng định được phản ứng nào là lịch sự và phù hợp hơn phản ứng nào trong các nền văn hoá khác nhau. Xét theo các tham tố văn hoá, tính lịch sự (*politeness*) và tính phù hợp (*appropriateness*) phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố mang tính đặc thù văn hoá (*culture-specific*) như: giá trị, đức tin, quan niệm, cảm kị, phong cách giao tiếp v.v. Một hành vi giao tiếp có thể tỏ ra lịch sự và phù hợp trong nền văn hoá này nhưng lại bị coi là bất lịch sự và không phù hợp trong nền văn hoá khác. Chúng tôi [4] cho rằng tính lịch sự và tính phù hợp ở đây nên được đánh giá thông qua lực ngữ dụng (*pragmatic force*), đặc biệt là lực ngôn tác (*perlocutionary force*), có nghĩa là hiệu lực của hành động giao tiếp tác động lên đối thể giao tiếp. Nếu hiệu lực đó là tích cực đối với đối thể giao tiếp và phù hợp với đích ngôn trung (*illocutionary point*), hay nói cách khác, nếu hành động giao tiếp (hoặc ngôn từ hoặc phi ngôn từ), cụ thể là các phản ứng giao tiếp ở trên, làm cho đối thể giao tiếp cảm thấy dễ chịu vì chủ thể giao tiếp đã thể hiện được sự biết lỗi phù hợp với thông lệ và hoàn cảnh giao tiếp trong một nền văn hoá đặc thù thì hành động (hay phản ứng) giao tiếp đó đã đảm bảo được tính lịch sự và phù hợp. Rất nhiều nghiệm thể Việt được chúng tôi phỏng vấn đều cho rằng nói 'Xin lỗi anh' nghe có vẻ 'hơi khách khí' và 'không thực lòng'. Theo họ, chỉ cần sử dụng các phản ứng ngôn từ hoặc chỉ sử dụng các phát ngôn gián tiếp kiểu 'Ồi, chết' hay 'Thôi, em không biết nháy đầu' hoặc 'Anh có đau không ạ' là đủ để:



- Diễn tả được sự biết lỗi, hoặc
- Nêu được lí do gây lỗi, hoặc
- Tỏ ra không muốn gây thêm lỗi, hoặc
- Tỏ ra quan tâm đến đối thể giao tiếp,
- ...

Với thực nghiệm trên, xin được khẳng định rằng, để tạo ra lực ngôn tác tương đương cho người bản ngữ của ngôn ngữ A và ngôn ngữ B, ta không chỉ lưu ý đến các chuyển giao ngôn từ-ngôn từ mà còn phải, trong các trường hợp cụ thể, quan tâm đến cả các chuyển giao ngôn từ-phi ngôn từ hay phi ngôn từ-ngôn từ.

### 3. Kết luận

Richards & Sukwivat [6:129] tin rằng, trong giao tiếp giao văn hoá, “... *bất cứ một cuộc thoại với người bản ngữ của một ngôn ngữ đích nào cũng là một hình thức đương đầu giao văn hoá.*” Trong giảng dạy ngoại ngữ và giao tiếp quốc tế, việc giúp người học và người giao tiếp ý thức được các loại chuyển giao, đặc biệt là chuyển giao giao văn hóa và chuyển giao ngôn từ-phi ngôn từ là thực sự cần thiết. Sẽ là có lí khi cho rằng [7], để tiếp cận cấp độ bản

ngữ (*going native*) (có nghĩa là cấp độ ‘*Công dân/ Citizen*’ trong thang cấp độ ‘*Du lịch/ Tourist*’ – ‘*Sống sót/ Survivor*’ – ‘*Nhập cư/ Immigrant*’ – ‘*Công dân/ Citizen*’) trong học và sử dụng ngoại ngữ, người học và người giao tiếp không những phải tiếp cận được cấp độ song ngữ (*going bilingual*) mà còn phải vươn tới cấp độ song hóa (*going bicultural*) nữa.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyen Quang. Lecture-notes on Cross-Cultural Communication. Unpublished
- [2] Nguyễn Quang. Sắp xuất bản. Giao tiếp giao văn hoá – Quyển I.
- [3] Nguyễn Quang. 2004. Một số vấn đề giao tiếp nội văn hoá và giao văn hoá. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Nguyễn Quang. 2002. Giao tiếp và giao tiếp giao văn hoá. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nguyễn Quang. 2008. Giao tiếp phi ngôn từ qua các nền văn hoá. NXB Khoa học Xã hội.
- [6] Richards, J.C. and Sukwivat, M. 1986. Cross-Cultural Aspects of Conversational Competence. Cambridge. CUP.
- [7] Carbaugh, D. 2013. Cultural Communication and Intercultural Contact. Lawrence Erlbaum Associates, Inc., Publishers.

## Transfers in Cross-Cultural Communication

Nguyễn Quang

VNU University of Languages and International Studies, Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

**Abstract:** Types of verbal-verbal transfer (linguistic, communicative, cross-cultural) and verbal-nonverbal transfer in cross-cultural communication are brought to critical discussion. Cross-cultural transfer that appears as the focus of academic attention is analysed at length with such points of reference as cultural practices, cultural hidden and cultural preferences.

**Keywords:** Transfer, verbal-verbal transfer, verbal-nonverbal transfer, bilingual, bicultural.